

Số: 2250/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 6 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành.

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc của một số đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3246/SXD-QLN ngày 21/6/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành, với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành.

3. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp IV.

4. Chủ đầu tư: Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Thành Vân, xã Thành Mỹ, Thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành.

## 6. Các giải pháp thiết kế chủ yếu:

### 6.1. Hạng mục: Văn phòng Ban quản lý.

- Phá dỡ toàn bộ mái tôn cũ bị hư hỏng và lợp lại mới bằng tôn dày 0,4mm.
- Bổ sung xây mới một số vị trí tường thu hồi mái để trùm phần sân ô.
- Thay mới 30% khối lượng xà gồ mái bằng thép hình C100x50x5mm.

6.2. Hạng mục: Nhà kỹ thuật: Bổ sung thiết kế mái tôn dày 0,4mm cho hệ thống mái công trình; kết cấu mái dùng hệ cột thép D90 dày 2mm; hệ vì kèo khẩu độ 8,36m; bán kèo khẩu độ 5,478m làm bằng thép hình L50x5mm; hệ xà gồ bằng sắt hộp kích thước 30x60x3mm. Liên kết cho vì kèo mái bằng liên kết hàn và liên kết bulông. Làm vệ sinh tường trong nhà và ngoài nhà, quét ve 01 nước lót và 02 nước màu.

### 6.3. Hạng mục: Trạm bảo vệ rừng Thành Vân.

- Phá bỏ hệ thống mái cũ của công trình và lợp lại bằng tôn liên doanh dày 0,4mm.

- Bổ sung hệ thống tường thu hồi mái xây gạch vữa xi măng mác 50#, vị trí 2 đầu hồi theo độ dốc mái tôn cải tạo.

- Bổ sung hệ vì kèo mái khẩu độ 6,4m làm bằng thép hình L50x5mm; hệ xà gồ bằng sắt hình U80x40x3mm. Liên kết cho vì kèo mái bằng liên kết hàn và liên kết bulông.

- Trần bê tông đục bỏ lớp vữa trên mặt và quét 01 lớp vật liệu chống thấm và láng lại bằng vữa xi măng mác 75#.

- Làm vệ sinh tường trong nhà và ngoài nhà, quét ve 01 nước lót và 02 nước màu.

- Lát lại nền nhà bằng gạch đỏ kích thước 400x400mm.

- Hệ thống cửa được vệ sinh và sơn lại toàn bộ.

- Xây mới 02 phòng mới vị trí trục (4-6)(A-C) bằng kết cấu tường chịu lực, móng dưới tường xây đá hộc vữa xi măng mác 50#.

- Bổ sung hệ thống cửa đi và cửa sổ cho các phòng xây mới bằng bằng hệ thống cửa gỗ.

### 6.4. Hạng mục: Trạm bảo vệ rừng Đồng Luật.

- Phá dỡ toàn bộ hệ thống mái ngói cũ và lợp lại bằng tôn liên doanh dày 0,4mm.

- Giữ nguyên hệ vì kèo mái, thay thế mới xà gồ bằng thép hình U80x40x3mm.

*(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 3246/SXD-QLN ngày 21/6/2017)*

7. **Tổng dự toán xây dựng công trình:** 491.710.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm mười nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 379.233.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 11.314.934 đồng.
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 52.709.236 đồng.
- Chi phí khác: 25.037.825 đồng.
- Chi phí dự phòng: 23.414.750 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

8. **Nguồn vốn:** Từ nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh theo Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc của một số đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa.

9. **Hình thức quản lý dự án:** Theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

- Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng.

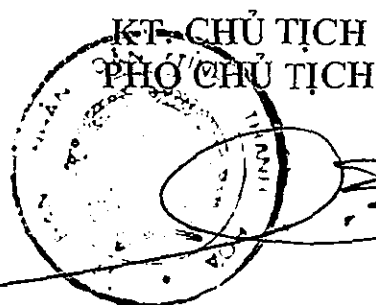
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT và đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN.  
(MC56)



Nguyễn Đức Quyền

**Phụ biểu chi tiết: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
**Công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc**  
**Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành**

(Kèm theo Quyết định số: **2250/QĐ-UBND** ngày **23/6/2017** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
I	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>344.757.273</b>	<b>34.475.727</b>	<b>379.233.000</b>	Gxd
1	Sửa chữa Văn phòng Ban quản lý	76.137.273	7.613.727	83.751.000	
2	Nhà kỹ thuật	66.910.909	6.691.091	73.602.000	
3	Trạm Bảo vệ rừng Thành Vân	156.330.000	15.633.000	171.963.000	
4	Trạm Bảo vệ rừng Đồng Luật	45.379.091	4.537.909	49.917.000	
II	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>11.314.934</b>		<b>11.314.934</b>	Gqlđa
III	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	<b>47.917.487</b>	<b>4.791.749</b>	<b>52.709.236</b>	Gtv
1	Chi phí khảo sát hiện trạng	8.693.636	869.364	9.563.000	
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	22.409.223	2.240.922	24.650.145	
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	2.000.000	200.000	2.200.000	
4	Chi phí thẩm tra dự toán	2.000.000	200.000	2.200.000	
5	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp	1.489.351	148.935	1.638.287	
6	Chi phí giám sát thi công XD	11.325.276	1.132.528	12.457.804	
IV	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>23.831.174</b>	<b>1.206.650</b>	<b>25.037.825</b>	Gk
1	Chi phí hạng mục chung	12.066.505	1.206.650	13.273.155	
2	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	93.425		93.425	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	4.671.245		4.671.245	
4	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu	2.000.000		2.000.000	
5	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)	5.000.000		5.000.000	
V	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>			<b>23.414.750</b>	
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			23.414.750	Gdp
	<b>Tổng cộng</b>			<b>491.709.744</b>	<b>Gxdct</b>
	<b>Làm tròn</b>			<b>491.710.000</b>	

(Bảng chữ: Bốn trăm chín mươi một triệu, bảy trăm mười nghìn đồng chẵn)